

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 4 - 2026
“V/v hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và ông Võ Xuân Nghi

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đàm Hoài N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Chị **Đàm Thị K**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Đức T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2026, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị **Đàm Hoài N** trình bày: Chị và anh **Đặng Đức T** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị)** vào ngày 06/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian đầu, đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống có nhiều khác biệt. Anh **Đặng Đức T** ham chơi theo bạn bè, không chăm lo cho vợ con. Đến đầu năm 2024 vợ chồng đã ly thân. Sau nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị

Đàm Hoài N nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên nguyện vọng xin ly hôn với anh **Đặng Đức T**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Trường C**, sinh ngày 20/6/2018. Sau khi ly hôn chị **N** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Chị **N** trình bày do đi làm việc ở xa, công việc và điều kiện đi lại khó khăn, không thể có mặt tại Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xin được vắng mặt. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai bị đơn anh **Đặng Đức T** trình bày:* Anh và chị **Đàm Hoài N** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị)** vào ngày 06/02/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023 anh **T** đi Đài Loan làm ăn, nhưng sau đó bị trục xuất về nước, nên hai bên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị **N**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Trường C**, sinh ngày 20/6/2018. Tại bản tự khai, anh có nguyện vọng, sau khi ly hôn anh sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh **T** thay đổi ý kiến, anh cho rằng bản thân anh cũng bận công việc thường xuyên đi làm xa, hơn nữa từ khi vợ chồng sống ly thân, chị **N** là người trực tiếp nuôi con, hiện tại con cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Vì vậy anh đồng ý giao con cho chị **N** chăm sóc. Do điều kiện khó khăn nên anh chưa có khả năng để đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, **tỉnh Quảng Trị** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị **Đàm Hoài N**; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ tình cảm: xử cho chị **Đàm Hoài N** ly hôn với anh **Đặng Đức T**. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Đặng Trường C**, sinh ngày 20/6/2018 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc anh **T** cấp dưỡng nuôi con theo ý kiến của chị **N**; Về tài

sản chung và công nợ chung: không xem xét. Về án phí: Buộc chị **Đàm Hoài N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Đàm Hoài N** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung đối với anh **Đặng Đức T**, có địa chỉ cư trú tại **thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị**. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của **Tòa án nhân dân vực 3**, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Đàm Hoài N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Đàm Hoài N** theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đàm Hoài N** và anh **Đặng Đức T** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị)** vào ngày 06/02/2018, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** hoàn toàn hợp pháp. Mặc dù vụ án không tiến hành hòa giải được, tuy nhiên, tại bản tự khai, cả chị **N** và anh **T** đều khẳng định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống đã ly thân trong thời gian từ đầu năm 2024. Hiện tại cả hai đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau và mong muốn được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Đàm Hoài N** được ly hôn với anh **Đặng Đức T** là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Trường C**, sinh ngày 20/6/2018. Xét thấy trong thời gian chị **N** và anh **T** sống ly thân thì con chung do chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa mặc dù chị **N** vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị có nguyện vọng được nuôi con. Phía anh **T** tại phiên tòa cũng đã trình bày những lý do điều kiện của bản thân và đồng ý giao con cho chị **N** nuôi dưỡng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để giao con chung cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chỉ **N** và anh **T** đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị **Đàm Hoài N** là nguyên đơn nên phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật nhân và đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đàm Hoài N** được ly hôn với anh **Đặng Đức T**.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Đặng Trường C**, sinh ngày 20/6/2018 cho chị **Đàm Hoài N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh **T** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị **Đàm Hoài N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo lai số 0000656 ngày 10/02/2026. Chị **N** đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa), hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt tại phiên tòa)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND vực 3, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Hoà Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình

